

KHÔNG- SẮC- HỎI, HUYỀN-NẶNG-NGÃ

Đã có một số không ít bài về luật hỏi ngã trên www hay trong các tài liệu TNSP, thí dụ:

* <http://e-cadao.com/Ngonngu/Luathoinga.htm>

* Một bài viết của Cao Chánh Cương cho khóa TNSP (1991)

* Một bài do Mai Thái Bằng tóm lược cho khóa TNSP (circa 1995, 1996?)

* v.v.

Tóm tắt vài luật chánh:

- 1) Bao giờ cũng có những trường hợp ngoại lệ hay bất quy tắc (irregular), nên không quả quyết các luật sau đúng 100%. Những trường hợp này chỉ có cách “học thuộc lòng” hay tra từ điển.
- 2) Tiếng nôm - Luật lập láy: **"Không Sắc Hỏi; Huyền Nặng Ngã"**
 - a) Tiếng nôm đôi: Dấu sắc, không dấu và dấu hỏi đi với dấu hỏi; huyền, nặng và ngã đi với dấu ngã: Hón hờ, bẽ bàng, vạm vỡ, v.v.
 - b) Tiếng nôm đơn: luật này cũng như trên "Không Sắc Hỏi; Huyền Nặng Ngã", nhưng hữu ích và cần tinh tế nhận xét hơn để tìm chữ "biến dạng" hay tương tự của chữ nôm đơn.
Thí dụ: chữ "ngăn cản", nếu nhớ chữ tương đương là "can" (0 dấu) thì biết cần phải dấu hỏi.
Vài thí dụ khác: đôi chọi và đôi chôi, cội nguồn và cỗi nguồn, lén và lên, chưa và chữa, đỗ và đậu, xõa (tóc) và xòa, ngõ và ngờ ...
- 3) Trạng từ (adverb) thường được viết dấu ngã: cũng, đã, sẽ, nữa ...
- 4) Hầu hết các họ tên đều viết dấu ngã: Đỗ, Lã, Lữ, Mã, Nguyễn, Vũ ... [nhưng họ "Chữ" lại viết với dấu hỏi.]
- 5) Chữ **Hán Việt** bắt đầu bằng **phụ âm D, L, M, N, V** được viết dấu ngã. Mẹo để nhớ (Cao Chánh Cương): **"Dân Là Vận Mệnh Nước"**, hoặc **"Minh Nên Nhớ Là Viết Dấu Ngã"**
Đĩ Vãng, Lãng mạn, thương Mãi, phụ Nữ, Ngẫu nhiên, v.v. Một ngoại lệ: **ngải cứu**.
Những chữ (gốc Hán) khác viết dấu hỏi.
Tuy nhiên có vài chục ngoại lệ bãi, hãm, hoãn, hữu, trẫm, trĩ, trử, v.v., và có những trường hợp hỏi hay ngã tùy nghĩa Hán Việt (bỉ và bĩ, cửu và cửu, kỷ và kỹ, sĩ và sĩ, xả và xã ...) - Coi lại luật số 1.
- 6) Chữ **Hán Việt** bắt đầu bằng **nguyên âm** đều dấu hỏi (không có ngoại lệ?): quan **ả**i, **ẩ**m thực, **ẩ**n dật, **ổ**n thỏa ...

Đó là vài luật chánh. Còn một điều nữa: **"Làm sao biết chữ gốc Hán Việt?"**

- a) Nếu từ ghép thường không tách ra dùng riêng được: chánh trị, hội nghị, lãnh tụ, v.v.
- b) Nếu đi với những từ gốc Hán thông dụng như: nhất, vô, hữu, bất, giả, sĩ...
Thí dụ: nhất cử lưỡng tiện, vô lễ, hữu đồng vô mưu, bất mãn, thánh giả, thi sĩ, v.v.
- c) Nếu tách riêng ra, từ khó hiểu hơn dù khi ghép lại được thường dùng.
Thí dụ: dĩ + nhiên, lãnh + tụ, hoành + tráng, v.v.
- d) Trợ từ/tính từ Hán Việt đi trước danh từ trong khi trợ từ nôm đi sau: thánh giả (HV)/người nghe (nôm), khán giả (HV)/người xem (nôm), phi cơ (HV)/máy bay (nôm), v.v.